

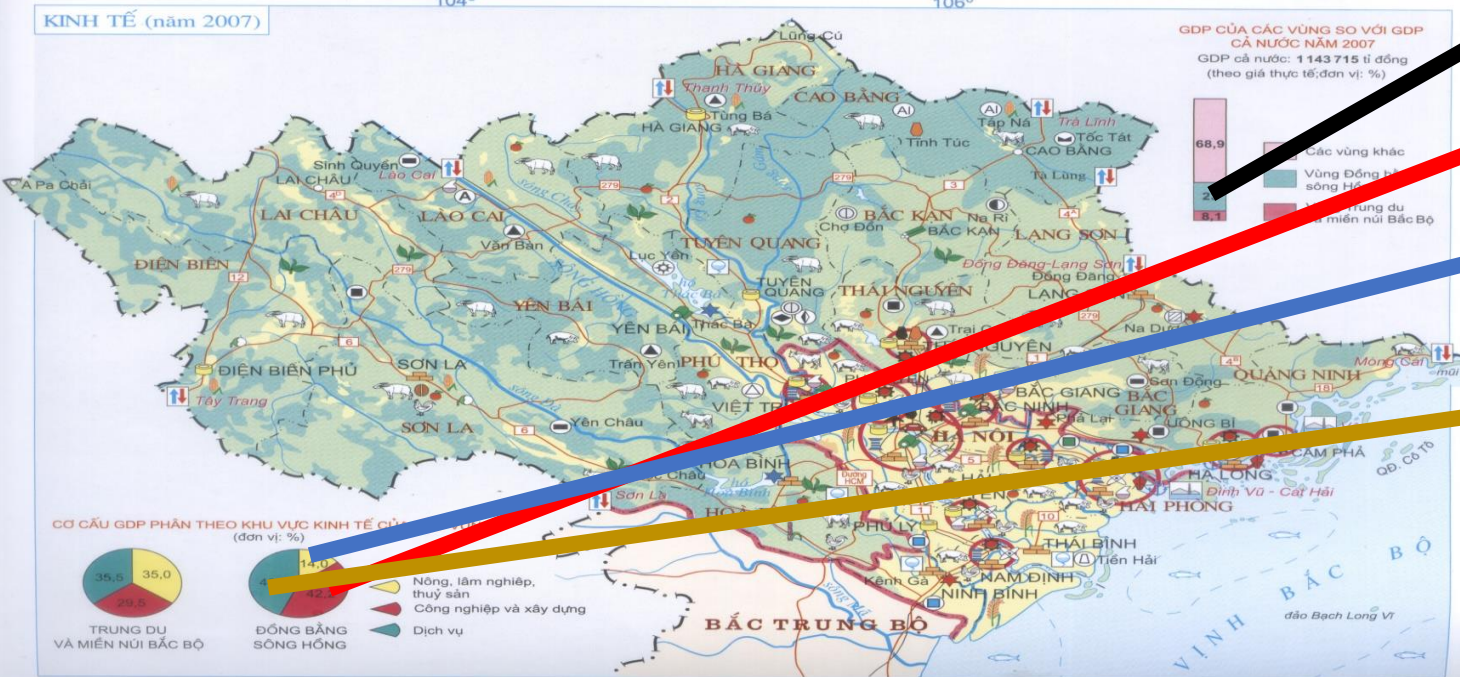
Bài 21

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (tiếp theo)

IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Công nghiệp
2. Nông nghiệp
3. Dịch vụ

V. CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ VÀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ



Thống kê năm 2007

IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Chiếm 23% GDP cả nước

1. Công nghiệp

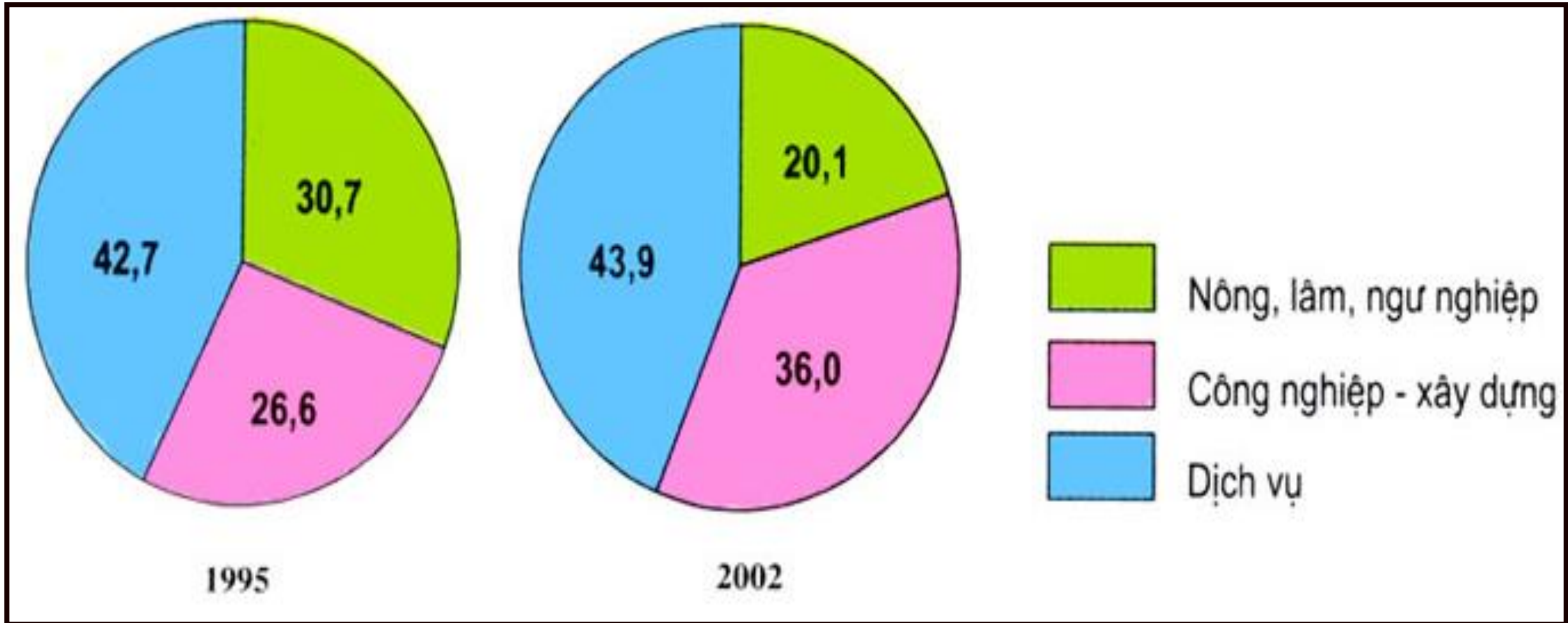
Chiếm 42,2% GDP của vùng

2. Nông nghiệp

Nông- lâm – ngư chiếm 14% GDP của vùng

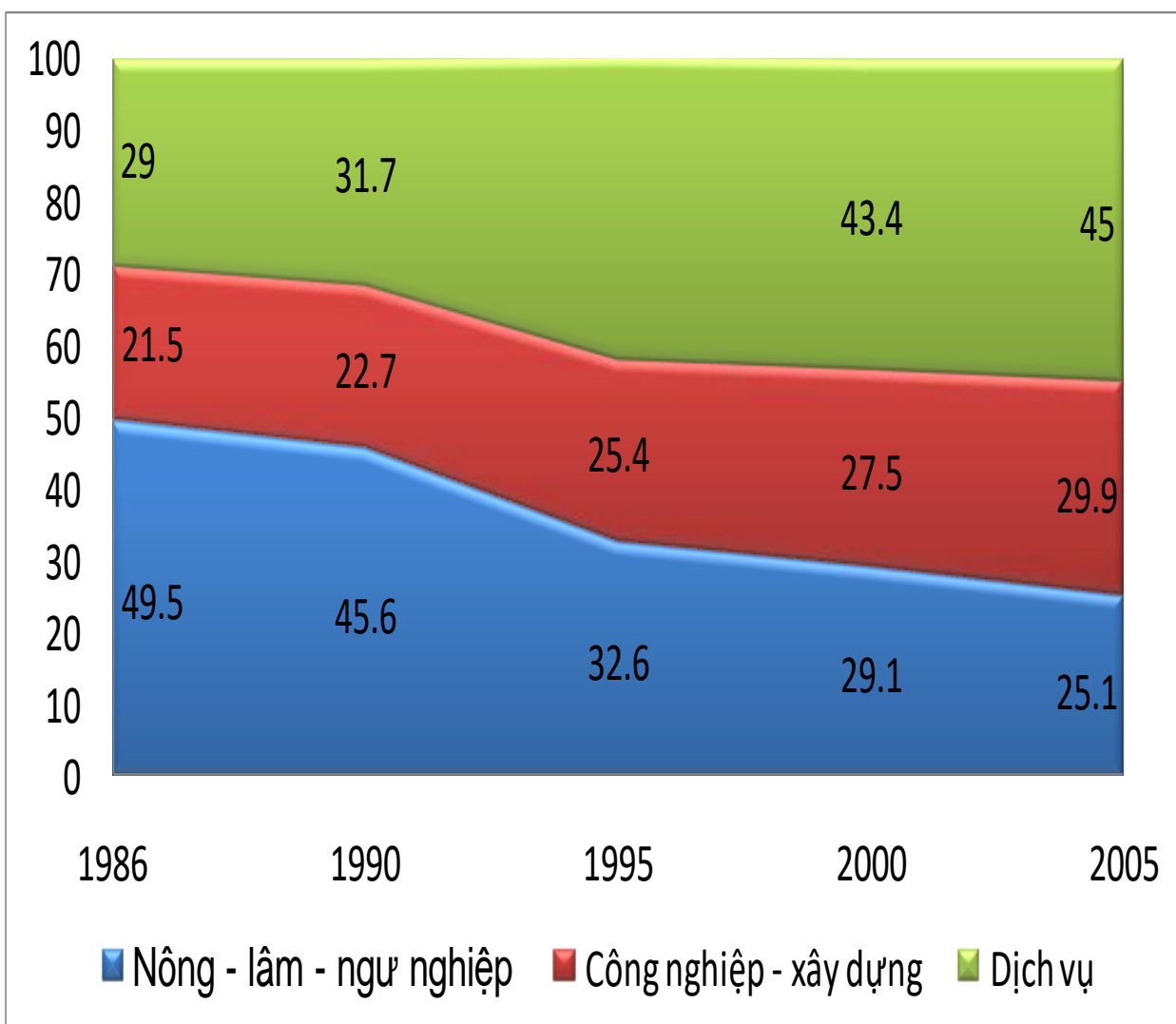
3. Dịch vụ

Chiếm 43,8% GDP của vùng



Hình 21.1. Biểu đồ cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng (%)

Nhận xét sự chuyển dịch về tỉ trọng khu vực I, II, III ở Đồng bằng sông Hồng.

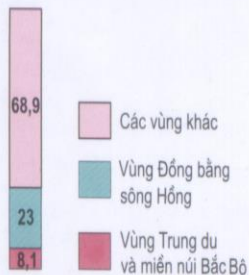


Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng từ 1986 - 2005.

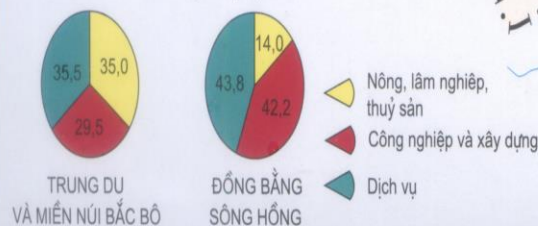


- | | | | |
|-------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------|
| TRUNG TÂM | Luyện kim | Vùng nông lâm kết hợp | Cảng |
| CÔNG NGHIỆP | Cơ khí | Vùng lúa, lợn, gia cầm | Sân bay quốc tế |
| Lớn | Hoá chất | Cây ăn quả | Sân bay nội địa |
| Vừa | Vật liệu xây dựng | Vườn quốc gia | Bãi tắm |
| Nhỏ | Chế biến thực phẩm | Hang động du lịch | Bãi cá |
| Nhiệt điện | SX hàng tiêu dùng | Khai thác đá vôi | |
| Nước khoáng | Khai thác khí | Bãi tôm | |
| Khai thác sắt, cao lanh | Khai thác sét, cao lanh | Bãi cá | |

GDP CỦA CÁC VÙNG SO VỚI GDP CỦA NƯỚC NĂM 2007
 GDP cả nước: 1 143 715 tỉ đồng
 (theo giá thực tế; đơn vị: %)

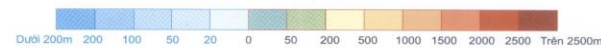


CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA CÁC VÙNG
 (đơn vị: %)



CÁC YẾU TỐ TỰ NHIÊN

Phân tầng địa hình



- | | | | | | | |
|--------------------|----------------|----------------|------------|-------------|------------|------------------|
| ▲ 3143 Điểm độ cao | Đầm lầy | ▲ Dầu mỏ | ✉ Crôm | ☒ Bôxít | ■ Đất hiếm | ■ Đá axit |
| ● 77 Điểm độ sâu | Bãi cát | ▲ Khí tự nhiên | ✈ Mangan | ☒ Niken | ▲ Apatit | ■ Đá vôi xi măng |
| × Đèo, hang động | Bãi cát ngầm | ■ Than đá | ✈ Titan | ☒ Antimôn | ▲ Pirit | ■ Sét, cao lanh |
| — Sông, thác | San hô | ■ Than nâu | ☒ Vonfram | ☒ Thủy ngân | ▲ Graphit | ■ Đá quý |
| — Kênh đào | Dòng biển nóng | ■ Than bùn | ☒ Môlipden | ☒ Asen | ☒ Atbet | ■ Cát thủy tinh |
| — Sông ngầm, hồ | Dòng biển lạnh | ☒ Uranium | ■ Đồng | ☒ Chi - kẽm | ☒ Mica | ■ Nước khoáng |
| | | ▲ Sắt | ◆ Thiếc | ● Vàng | | |

CÔNG NGHIỆP

Trung tâm công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp - theo giá thực tế năm 2007 (đơn vị: nghìn tỉ đồng)

- Trên 120
- Từ 40 đến 120
- Từ 9 đến 40
- Dưới 9

Khai thác khoáng sản

- | | | | |
|----------------|-------------|-----------------|------------------------------|
| ▲ Dầu mỏ | ● Titan | ▲ Pirit | ▲ Máy nhiệt điện |
| ▲ Khí tự nhiên | ● Đồng | ● Đá quý | ▲ Nhà máy thủy điện |
| ■ Than đá | ▲ Thiếc | ▲ Vôi xi măng | ■ Sản xuất vật liệu xây dựng |
| ■ Than nâu | ▲ Sắt | ■ Sét, cao lanh | ■ Luyện kim màu |
| ▲ Sắt | ● Chi - kẽm | ■ Cát thủy tinh | ■ Cơ khí |
| ■ Crôm | ● Vàng | ■ Nước khoáng | ■ Sản xuất ôtô |
| ■ Mangan | ▲ Apatit | ■ Đồng lâu | ■ Điện tử |

Các ngành công nghiệp

- | | | | | | | |
|-----------|----------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------|---------------------|
| ■ Điện tử | ■ Hóa chất, phân bón | ■ Sản xuất vật liệu xây dựng | ■ Khai thác, chế biến lâm sản | ■ Sản xuất giấy, xenlulo | ■ Dệt, may | ■ Chế biến nông sản |
|-----------|----------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------|---------------------|

NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

- | | | |
|--|----------------------------------|--------------------------------|
| ■ Vùng trồng cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm | ■ Rừng đặc dụng và rừng phòng hộ | ■ Mặt nước nuôi trồng thủy sản |
| ■ Vùng trồng cây công nghiệp lâu năm | ■ Vùng nông lâm kết hợp | ■ Vùng đánh bắt hải sản |
- | | | | | | | |
|-------|--------------|------------|-----------|----------|--------|-------|
| ☒ Lúa | ☒ Lạc | ☒ Cà phê | ☒ Điều | ☒ Cao su | ☒ Trâu | ☒ Gà |
| ☒ Ngô | ☒ Cây ăn quả | ☒ Chè | ☒ Hồ tiêu | ☒ Bông | ☒ Bò | ☒ Vịt |
| ☒ Mía | ☒ Đậu tương | ☒ Thuốc lá | ☒ Dứa | | ☒ Lợn | |

Trồng trọt

CÁC YẾU TỐ KHÁC

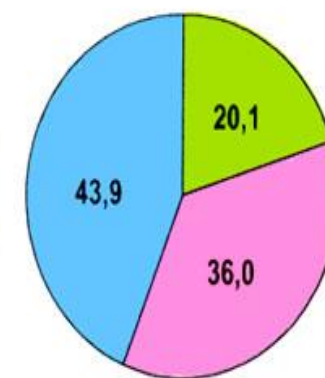
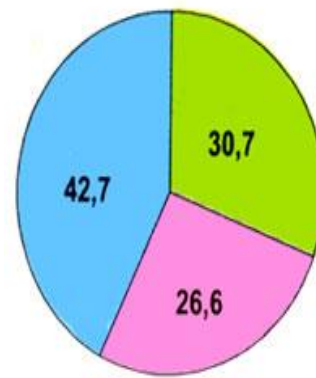
Cấp hành chính	TỈ LỆ 1 : 3 000 000	TỈ LỆ 1 : 6 000 000	TỈ LỆ 1 : 9 000 000	TỈ LỆ 1 : 18 000 000
Thủ đô	☉ HÀ NỘI	☉ HÀ NỘI	☉ HÀ NỘI	☉ HÀ NỘI
Thành phố trực thuộc trung ương	☉ CẦN THƠ	☉ Cần Thơ	○ Cần Thơ	○ Cần Thơ
Thành phố	○ NHA TRANG	○ Nha Trang	○ Nha Trang	
Thị xã	○ LAI CHÂU			
Điểm dân cư khác	○ Lũng Cú	○ Lũng Cú		
Tên tỉnh	BẮC NINH	BẮC NINH	BẮC NINH	BẮC NINH

- Biên giới quốc gia
- Địa giới tỉnh
- Ranh giới miền tự nhiên
- Ranh giới vùng kinh tế
- Đường sắt
- Đường ôtô, số đường
- ✈ Sân bay, cảng
- ☒ Cửa khẩu quốc tế
- ☒ An Giang
- ☒ Văn Phong
- ☒ Khu kinh tế cửa khẩu
- ☒ Khu kinh tế ven biển

Các chữ viết tắt

- BD: Bán đảo C: Cảng N: Núi K: Kênh
 CC: Cảnh cung D: Dãy QĐ: Quần đảo S: Sông
 CN: Cao nguyên Đ: Đảo SN: Sơn nguyên V: Vịnh
 HCM: Đường Hồ Chí Minh

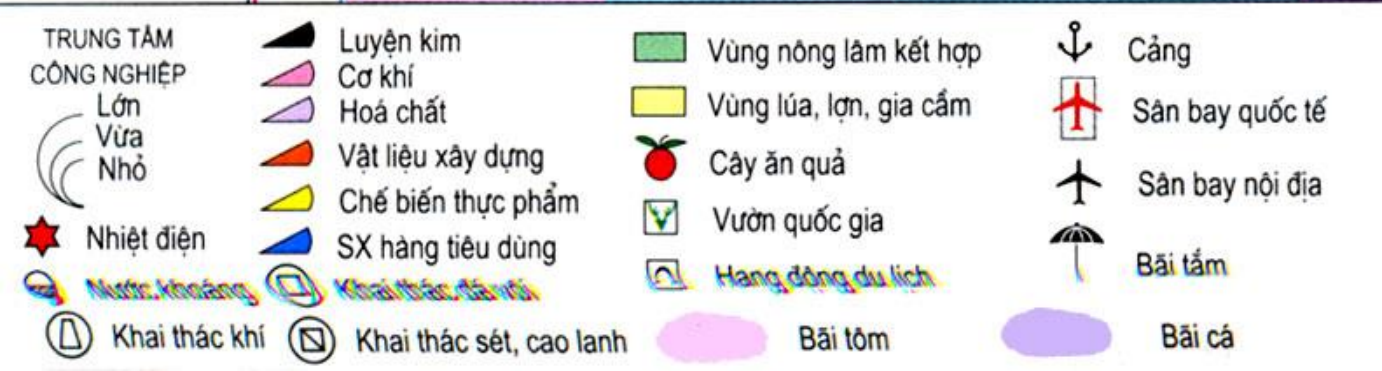
- **Kết hợp kênh chữ + kênh hình
sgk trang 75 + 76 + 77**
- **Atlas trang 26 + trang 3**



■ Nông, lâm, ngư nghiệp
■ Công nghiệp - xây dựng
■ Dịch vụ

Hãy nêu đặc điểm phát triển công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng

- 1. Quá trình hình thành và phát triển.**
- 2. Nhận xét tỉ trọng, giá trị...**
- 3. Phân bố...**
- 4. Các ngành công nghiệp trọng điểm...**
- 5. Các sản phẩm công nghiệp....**
- 6. Xác định các trung tâm công nghiệp trong vùng.**



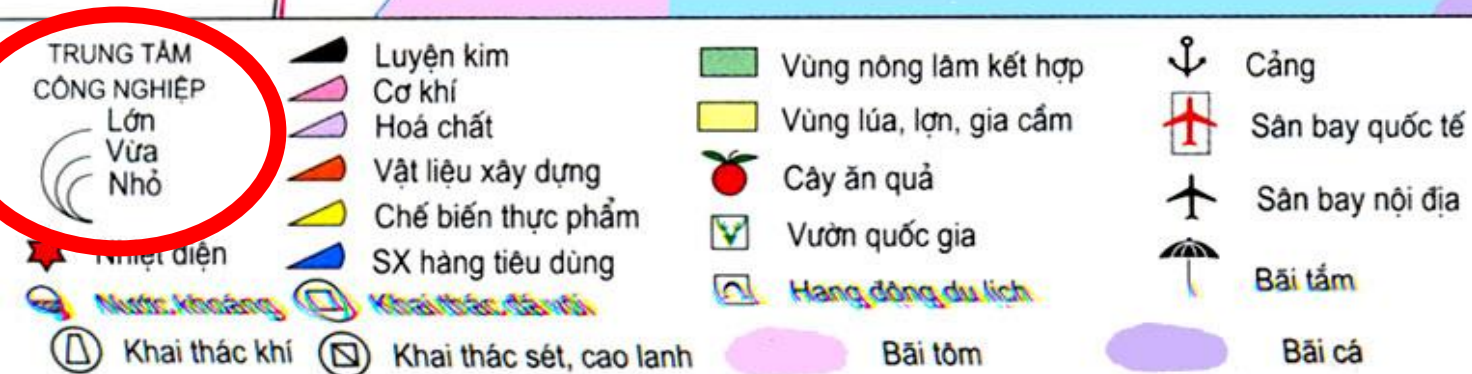


Xác định các trung tâm công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng.

- **Lớn...**

- **Vừa...**

- **Nhỏ...**



Các ngành công nghiệp trọng điểm của vùng



Hình. Nhà máy xi măng Hải Phòng



**Ngành sản xuất vật
liệu xây dựng**

Ngành công nghiệp cơ khí



NGÀNH CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM



Các sản phẩm công nghiệp quan trọng của Đồng bằng sông Hồng



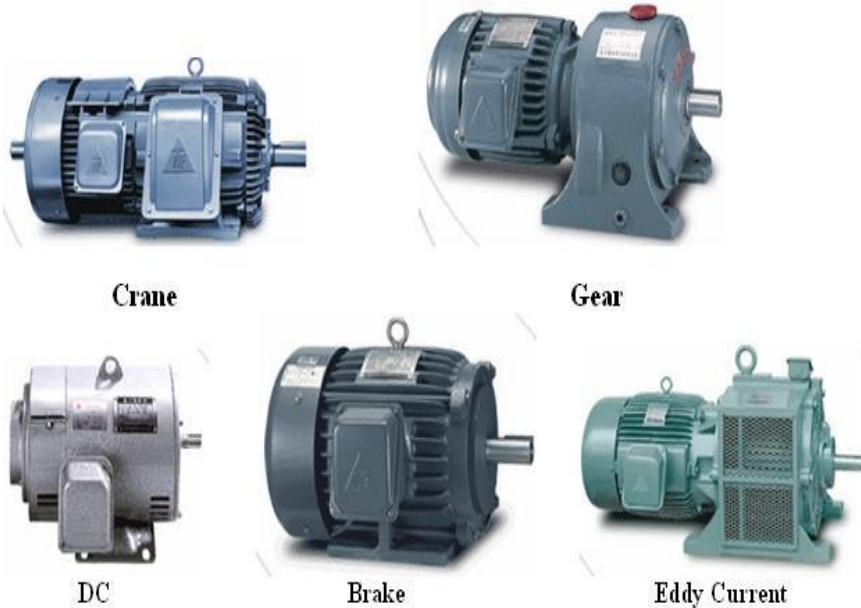
Máy cơ khí



Thiết bị điện tử



Hàng tiêu dùng



Crane

Gear

DC

Brake

Eddy Current

Động cơ điện



Phương tiện giao thông



Dệt may

IV. Tình hình phát triển kinh tế

1. Công nghiệp

- Hình thành sớm và phát triển mạnh trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh .
- Phần lớn giá trị sản xuất công nghiệp tập trung ở Hà Nội, Hải Phòng.
- Ngành công nghiệp trọng điểm: chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp cơ khí.
- Sản phẩm công nghiệp quan trọng: máy công cụ, động cơ điện, phương tiện giao thông, thiết bị điện tử, hàng tiêu dùng: vải, sứ dân dụng, quần áo...

2. Nông nghiệp

- **Nông nghiệp chia thành mấy nhóm ngành chính ?**
- **Trình bày và giải thích các lĩnh vực nổi bật của ngành này.**
- **Theo em có những giải pháp nào để phát triển bền vững ngành nông nghiệp vùng II.**

Năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước (tạ/ha)

Năm	1995	2000	2002
Đồng bằng sông Hồng	44,4	55,2	56,4
Đồng bằng sông Cửu Long	40,2	42,3	46,2
Cả nước	36,9	42,4	45,9

Hãy so sánh năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng với Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.











Một số khó khăn trong phát triển nông nghiệp của vùng

2. Nông nghiệp

a. Trồng trọt

- Đứng thứ hai cả nước về diện tích và tổng sản lượng lương thực.
- Đứng đầu cả nước về năng suất lúa 56,4 tạ/ha (2002).
- Phát triển một số cây ưa lạnh đem lại hiệu quả kinh tế cao.

b. Chăn nuôi

- Đàn lợn chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước.
- Chăn nuôi bò (đặc biệt là bò sữa), gia cầm và nuôi trồng thủy sản đang được phát triển.

3. Dịch vụ

- **Hoạt động dịch vụ phát triển của vùng.**
- **Ý nghĩa cảng Hải Phòng và sân bay Nội Bài.**
- **Cho biết đầu mối giao thông trong vùng.**
- **Các địa danh du lịch hấp dẫn nổi tiếng.**



Đảo Cát Bà



Văn miếu Quốc Tử Giám



Côn Sơn – Kiếp Bạc



Bãi Biển Đồ Sơn



Lăng Bác



Tam Cốc – Bích Động

Các địa danh du lịch

Cầu Tân Vũ - Lạch Huyện



Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng



Cảng Hải Phòng



Sân bay quốc tế Nội Bài





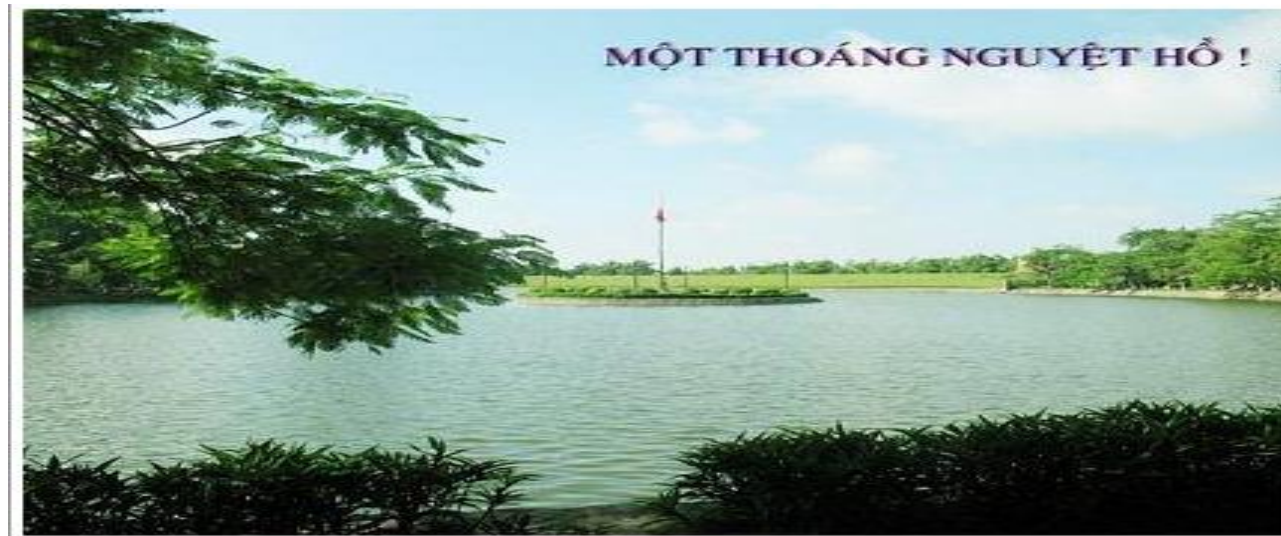
Chùa Chuông



Đền Mẫu



Văn Miếu Xích Đằng



Hồ Bán Nguyệt



Rừng Cúc Phương



Tam Cốc- Bích Động



Đảo Bạch Long Vĩ



ĐẢO NGỌC- CÁT BÀ



Văn Miếu Quốc Tử Giám



Chùa Một Cột



Hà Nội



Hà Nội, Hải Phòng là hai trung tâm du lịch, dịch vụ lớn nhất của vùng.



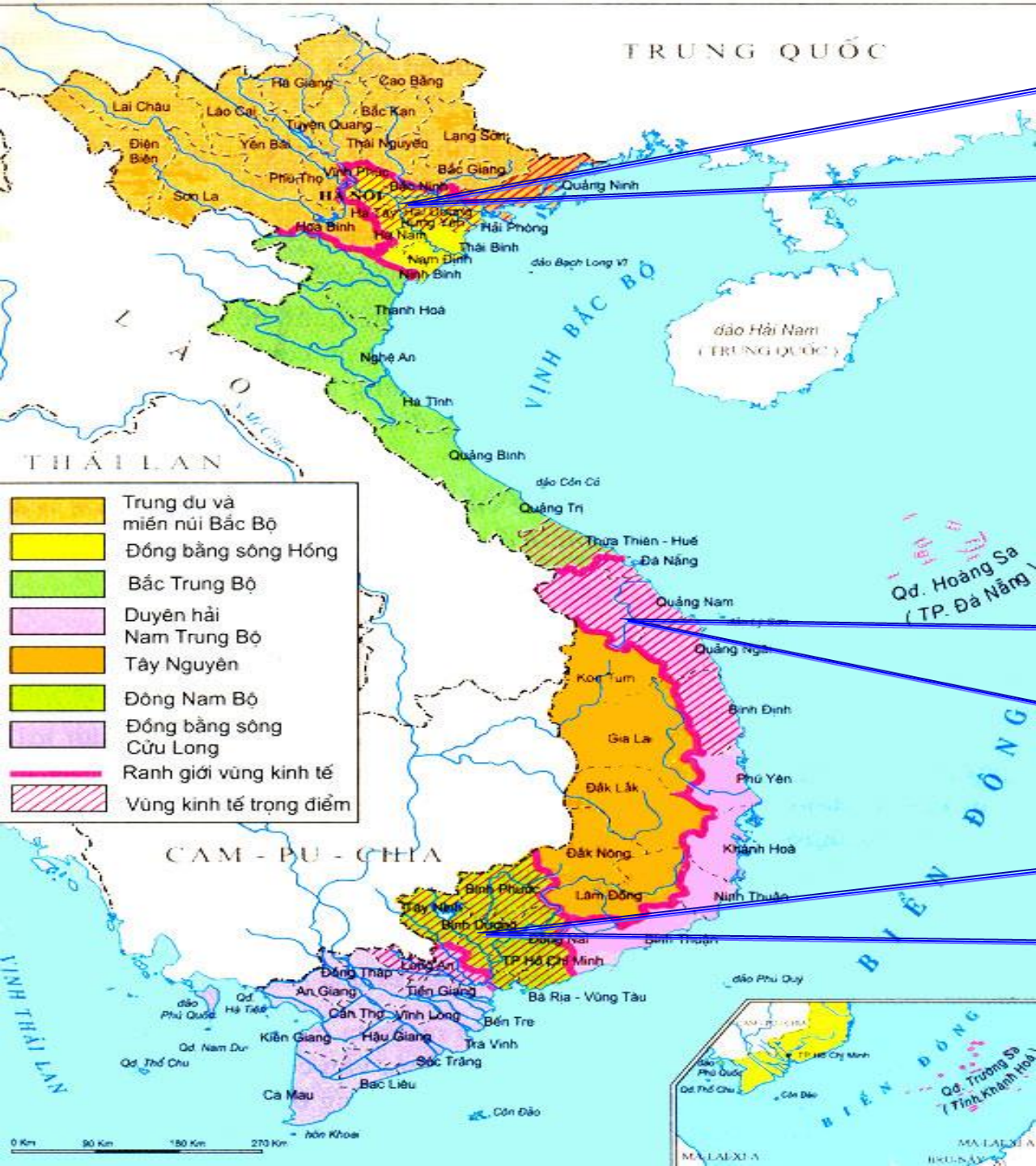
Hải Phòng

3. Dịch vụ

- **Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch phát triển.**
- **Có nhiều địa danh du lịch nổi tiếng: Chùa Hương, Tam Cốc – Bích Động, Côn Sơn, Cúc Phương, Đồ Sơn, Cát Bà.**
- **Hà Nội, Hải Phòng là hai đầu mối giao thông vận tải, du lịch lớn ở phía bắc.**

V. CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ VÀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ

- 1. Trung tâm kinh tế**
- 2. Tam giác kinh tế**
- 3. Tên tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.**
- 4. Vai trò vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.**



Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ
(7 tỉnh, thành phố)

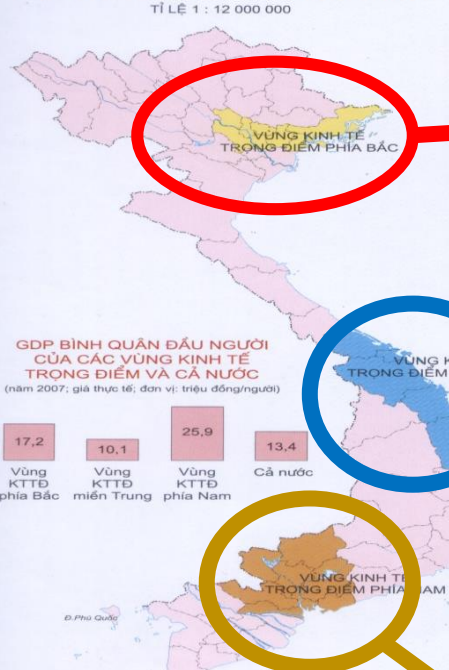
Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung
(5 tỉnh, thành phố)

Vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam
(8 tỉnh, thành phố)

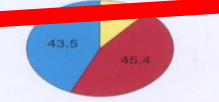
CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

VỊ TRÍ VÀ PHÂN BỐ CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

TỈ LỆ 1 : 12 000 000

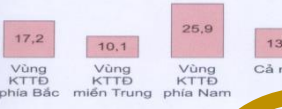


GDP CỦA VÙNG PHÂN THEO NGÀNH
(năm 2007; giá thực tế; đơn vị: %)
Tổng số 238966,1 tỉ đồng

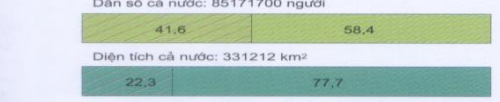


■ Nông, lâm, thủy sản
■ Công nghiệp và xây dựng
■ Dịch vụ

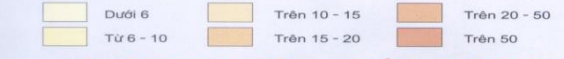
GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM VÀ CỦA NƯỚC
(năm 2007; giá thực tế; đơn vị: triệu đồng/người)



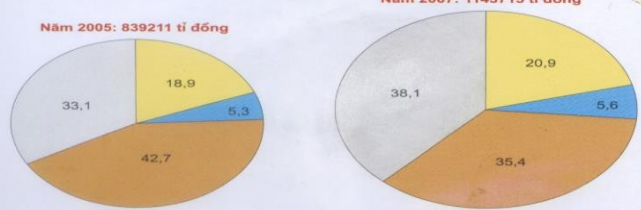
DÂN SỐ, DIỆN TÍCH CỦA 3 VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM SO VỚI CẢ NƯỚC
(năm 2007; đơn vị: %)



GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI PHÂN THEO TỈNH CỦA CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM
(năm 2007; giá thực tế; đơn vị: triệu đồng/người)



GDP CỦA CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM SO VỚI CẢ NƯỚC
(giá thực tế; đơn vị: %)



■ Vùng KTTĐ phía Bắc
■ Vùng KTTĐ miền Trung
■ Vùng KTTĐ phía Nam
■ Ngoài 3 vùng KTTĐ

VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA BẮC

TỈ LỆ 1 : 3 000 000

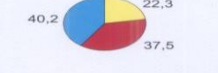


VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

TỈ LỆ 1 : 3 000 000

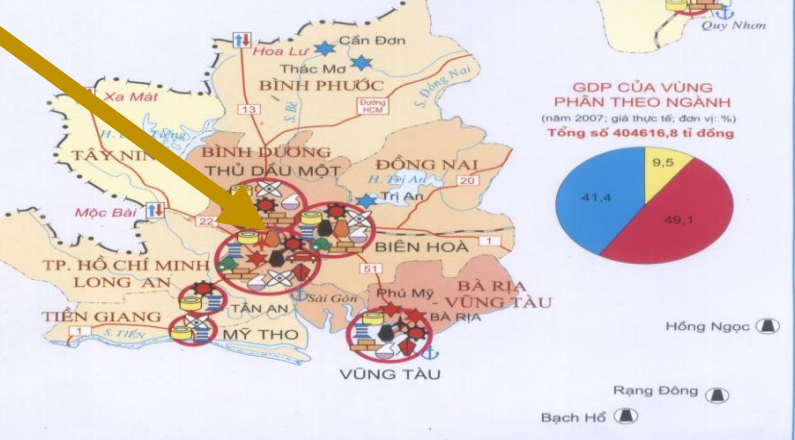


GDP CỦA VÙNG PHÂN THEO NGÀNH
(năm 2007; giá thực tế; đơn vị: %)
Tổng số 63587,6 tỉ đồng

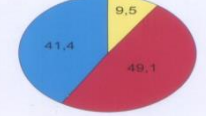


VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

TỈ LỆ 1 : 3 000 000



GDP CỦA VÙNG PHÂN THEO NGÀNH
(năm 2007; giá thực tế; đơn vị: %)
Tổng số 404616,8 tỉ đồng



○ Di sản thiên nhiên thế giới
+ Sân bay quốc tế
○ Di sản văn hoá thế giới
+ Sân bay trong nước
○ RỒNG

Xác định vị trí và đọc tên tỉnh, thành phố 3 vùng kinh tế trọng điểm nước ta.

**1. Phân tích
vấn đề đô
thị hóa ở
Đồng bằng
sông Hồng.**

**2. Vị thế của
thủ đô Hà
Nội**

1. Cụm Đô thị sông Hồng gồm 16 đô thị → năm 2020
“ Xây dựng đô thị thông minh, phát triển bền vững và thân thiện với môi trường ” (Hệ hồng cây xanh được duy trì, điện chiếu sáng công cộng, tuyên truyền... ý thức người dân, quản lý trật tự đường, hè, trật tự an toàn giao thông và vệ sinh môi trường, phối hợp giữa chính quyền với các tổ chức...,...)

2. Vị thế của thủ đô Hà Nội

- Kinh tế thủ đô tiếp tục phát triển...
- Diện mạo của thủ đô có nhiều thay đổi, ngày càng khang trang...
- Sự nghiệp văn hóa, giáo dục – đào tạo, y tế, khoa học-công nghệ tiếp tục phát triển...
- Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh của Thủ đô tiếp tục được củng cố.
- Đảng bộ thành phố đã triển khai thực hiện Nghiêm túc Nghị quyết...

V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

- Trung tâm kinh tế lớn: Hà Nội, Hải Phòng.
- Tam giác kinh tế: Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long.
- Tên tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (7) SGK trang 79 (Atlas trang 30).
- **Vai trò:** Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ tạo cơ hội cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động của cả hai vùng Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ .

Chọn câu đúng nhất

Câu 1. Sân bay quốc tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng là

A. Cát Bi.

B. Nội Bài.

C. Phú Bài.

D. Phù Cát.

Câu 2. Khu tam giác Công nghiệp lớn của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ gồm 3 tỉnh, thành phố nào?

A. Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.

B. Hà Nội, Hải Dương, Vĩnh Phúc.

C. Hà Nội, Thái Bình, Bắc Ninh.

D. Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam.

Câu 3. So với các vùng khác về sản xuất nông nghiệp, Đồng bằng Sông Hồng là vùng có:

A. Sản lượng lúa lớn nhất.

B. Xuất khẩu nhiều nhất.

C. Năng suất cao nhất.

D. Bình quân lương thực cao nhất.

Câu 4. Loại vật nuôi của vùng Đồng bằng Sông Hồng chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước là:

A. Trâu.

B. Bò.

C. Lợn.

D. Gia cầm.

Chuẩn bị nội dung bài 23

VÙNG BẮC TRUNG BỘ

- Soạn nội dung mục I, II

* Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.

- Mục III . Đặc điểm dân cư – xã hội
(Học sinh tự học)